TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 26 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lý Quang S**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp BK, xã HT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

- Chị **Võ Thị D**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp HA, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Anh S và chị D thống nhất thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Anh S và chị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh S và chị D có 01 con chung tên Lý Kim N, sinh ngày 09/01/2013. Sau khi ly hôn, chị D sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh S cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh S và chị D có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lý Quang S và chị Võ Thị D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Lý Quang S và chị Võ Thị D có 01 con chung tên Lý Kim N, sinh ngày 09/01/2013.

Chị Võ Thị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lý Kim N.

Anh Lý Quang S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Lý Kim N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi Lý Kim N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Anh Lý Quang S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh Lý Quang S và chị Võ Thị D không có tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Anh Lý Quang S và chị Võ Thị D không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lý Quang S và chị Võ Thị D có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008222 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã ĐP;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân